

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

MCK: LHC

-----o0o-----



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
VÀ CÔNG TY CON**

THÁNG 04 NĂM 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
==&==

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
Năm báo cáo: 2016

I- THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059247 ngày 27/7/2000 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất với mã số Doanh nghiệp 58 00000 424 vào ngày 29/6/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp
- Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 36.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Số điện thoại: (063) 3821854 - Số Fax: (063) 3832542 - Website: www.LHC.com.vn
- Mã cổ phiếu: LHC

2. Quá trình hình thành và phát triển:

+ Việc thành lập:

Tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng được thành lập năm 1976 với lực lượng lao động chính tập trung từ lực lượng thanh niên xung phong xây dựng vùng kinh tế mới.

Năm 1981 Đổi tên Công ty thành Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi thuộc Sở Thủy lợi Lâm Đồng.

Năm 1987 Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng.

Năm 1993 Đổi tên Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi thành Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lâm Đồng.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN Năm 2000 Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty Cổ phần theo Quyết định chuyển DNNN Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng thành Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng) của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng số 82/2000/QĐ-UB ngày 27/6/2000.

Ngày 01/8/2000 Công ty đã chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 3 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 7%. Sau 4 lần tăng vốn, hiện nay vốn điều lệ Công ty là 36 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 0%.

+ Niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà nội: ngày 13/01/2010

+ Một số danh hiệu đã đạt được

- Được Bộ tài chính tặng bằng khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2010.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

- Được Bộ xây dựng tặng Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam năm 2010 cho Công trình Hồ chứa nước Ka La, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
- Được Tổng Cục thuế tặng Giấy khen về thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2013.
- Được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp một trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2015 – 2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

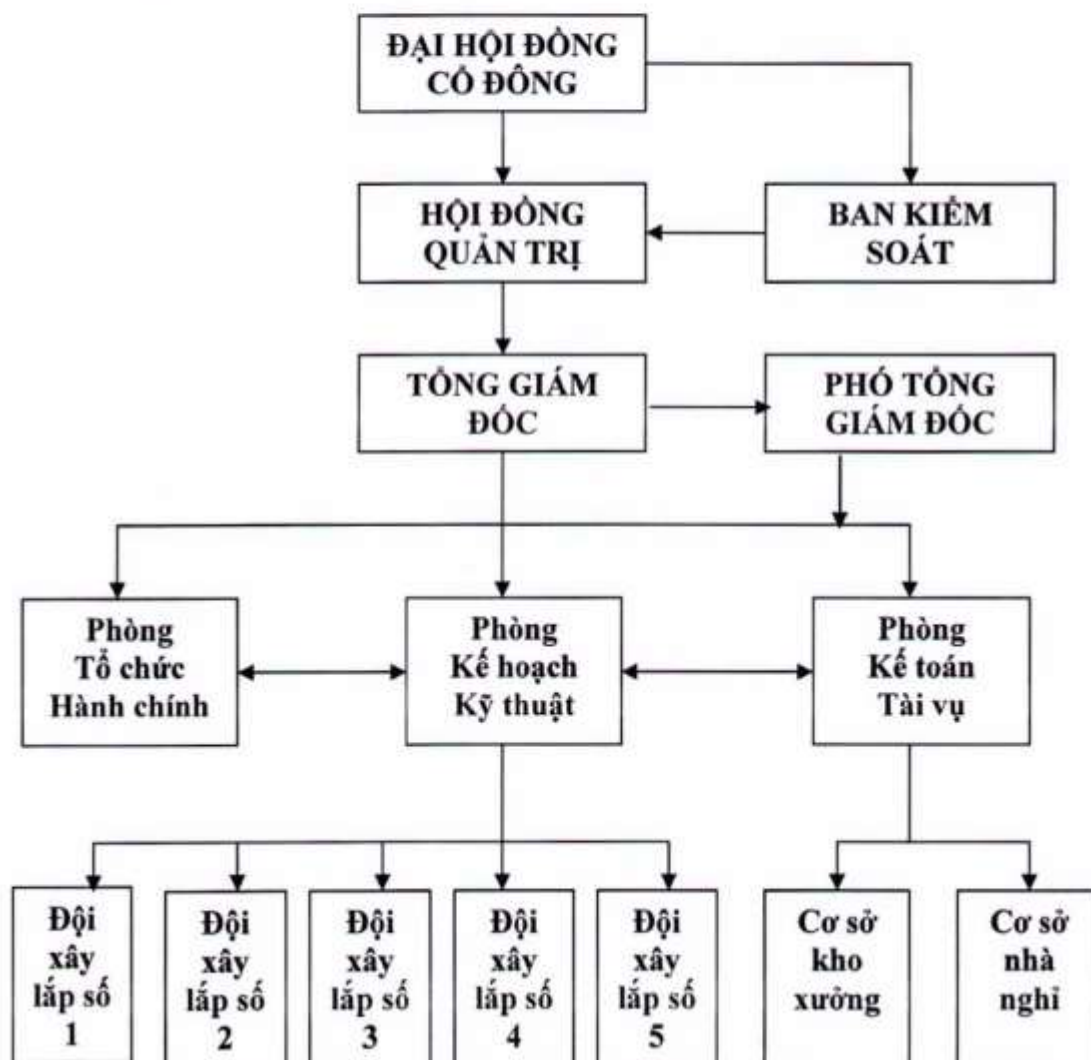
+ Ngành nghề kinh doanh:

- Thi công các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, vữa bê tông các công trình, khoan phụt vữa và dung dịch các loại.
- Khai thác chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

+ Địa bàn kinh doanh: Cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc điều hành công ty
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

- Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con trực tiếp: Công ty cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng (Mã chứng khoán LBM trên HOSE); Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Công ty con gián tiếp: Công ty cổ phần Hiệp Thành; Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát; Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông.

5. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong lĩnh vực xây lắp thủy lợi, thủy điện, tham gia vào một số dự án Thủy lợi, thủy điện lớn, trọng điểm quốc gia đã, đang và sẽ thi công trên cả nước.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư vào công ty con: Tiếp tục đầu tư vào Công ty cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) khi có cơ hội (mục tiêu tiến tới nắm giữ 65% cổ phiếu đang lưu hành). Đưa LBM thành một lĩnh vực sản xuất kinh doanh mới của LHC, tận dụng hỗ trợ năng lực, lợi thế của nhau để mang đến kết quả SXKD tốt nhất.

- Để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng đến năm 2019, LHC sẽ hợp nhất với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 nhằm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, tăng quy mô, ngành nghề. Trụ sở chính của Công ty sau hợp nhất sẽ đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình xây dựng thủy lợi, thủy điện, đê, kè. Công ty rất thấu hiểu việc tác động của môi trường tới nguồn nước phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu của cộng đồng dân cư. Công ty luôn đề cao cùng với việc xây dựng công trình đảm bảo chất lượng đi đôi với việc giữ trong sạch môi trường xung quanh. Hàng năm Công ty trích một phần quỹ phúc lợi để tặng hàng trăm suất quà tết cho Đồng bào dân tộc vùng khó khăn.

6. Các rủi ro: Kinh tế vẫn còn trong giai đoạn khó khăn. Nhà nước giảm đầu tư công do nợ công tăng cao, từ đó ảnh hưởng đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro này được hạn chế vì Công ty chọn thầu những công trình có nguồn vốn tài trợ của nước ngoài (vốn ODA); mở ra các ngành nghề mới. Tăng cường đầu tư vào Công ty con (LBM) để chia sẻ bớt áp lực doanh thu và lợi nhuận từ lĩnh vực SXKD chính.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm
01	Doanh thu thuần	416.113.614.086	493.967.238.994	+ 77.853.624.908
02	Lợi nhuận sau thuế	26.074.543.050	26.760.308.625	+ 685.765.575

- Doanh thu tăng 18,7% so với năm 2015 và lợi nhuận sau thuế tăng 2,6% là do doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty con Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng năm 2016 tăng so với năm 2015.

2. Tổ chức nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành:**

+ **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc**

Họ và tên: **Lê Đình Hiền**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/4/1964

Nơi sinh: An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 412 901; cấp ngày 14/12/2015; nơi cấp: Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 70 Pastuer, phường 4, TP Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 063 3833850 - 0913865321

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (Công ty con).

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (Công ty con).

Số cổ phần nắm giữ: 268.000 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 268.000 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không.

+ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Kim Ngọc Đăng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/01/1962

Nơi sinh: Mỹ Đức, Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 376 615; cấp ngày 31/08/2005; nơi cấp: Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mỹ Đức, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: T21 An Sơn, phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 063 3817735 – 0913 953287

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ: 16.500 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 16.500 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Họ và tên: **Lê Văn Quý**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/03/1976

Nơi sinh: Trục Ninh, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 783 035; cấp ngày 24/07/2006; nơi cấp: Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Trục Ninh, Nam Định

Địa chỉ thường trú: F405 Chung cư 69 Hùng Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0918 776069

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (Công ty con)

Số cổ phiếu nắm giữ: 22.900 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 22.900 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên: **Hầu Văn Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/5/1966

Nơi sinh: Vinh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 470 269; cấp ngày 17/09/2003; nơi cấp: Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vinh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 27 Thiên Thành, phường 4, Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 063 3817734 – 0913 934872

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (Công ty con)

Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (Công ty con)

Số cổ phiếu nắm giữ: 94.500 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 94.500 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

+ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Bùi Trung Trục**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/11/1955

Nơi sinh: Tư Nghĩa, Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 050 362; cấp ngày 10/12/2001; nơi cấp: Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tư Nghĩa, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913 934715

Trình độ văn hóa: 11/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật viên

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ: 17.400 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 17.400 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

+ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Mai Nam Dương**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/5/1953

Nơi sinh: Tây An, Tiền Hải, Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 349 103; cấp ngày 16/05/2005; nơi cấp: Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tây An, Tiền Hải, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 2/1 Huỳnh Thúc Kháng, Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913 865047

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, chuyên viên cao cấp

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ: 84.150 cổ phần

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 84.150 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Quan hệ
1	Mai Trung Khuông	7.100	0,20%	Bố
2	Mai Trung Tâm	1.000	0,03%	Em
3	Mai Anh Tuấn	88.000	2,44%	Con

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

+ Trưởng ban kiểm soátHọ và tên: **Nguyễn Thị Liên**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 13/05/1972

Nơi sinh: Bồ Hạ, Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 308 788; cấp ngày 05/04/2010; nơi cấp: Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mộ Đức, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 07T21 An Sơn, phường 4, TP Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0917 228658

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán

Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ: 71.250 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 71.250 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Quan hệ
1	Phan Minh Đạt	11.740	0,32%	Chồng
2	Nguyễn Thị Hoa	1.800	0,05%	Chị

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

+ Thành viên Ban kiểm soátHọ và tên: **Tô Văn An**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/03/1954

Nơi sinh: Lý Học, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 250 086 934; cấp ngày 19/10/2013; nơi cấp: Lâm Đồng

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lý Học, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Lâm Đồng

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0919 066937

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp nghiệp vụ

Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ: 18.750 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 18.750 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Quan hệ
1	Nguyễn Thị Long	15.750	0,44%	Vợ

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

+ Thành viên Ban kiểm soátHọ và tên: **Phạm Thị Tâm**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/11/1984

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 143 004 226; cấp ngày 18/06/2015; nơi cấp: Hải Dương

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số 15 Phố Ga, P.Nguyễn Trãi, TP Hải Dương, Hải Dương

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0983 531411

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phiếu nắm giữ: 15.000 cổ phần

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**+ Số lượng người lao động trong Công ty:**

Tổng số lao động dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 89 người, cơ cấu lao động như sau:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Bộ phận	Trình độ	Số CBCNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Đại học	11	12,3%
	Cao đẳng, trung cấp	02	2,2%
	Lao động có tay nghề	07	7,9%
Khối sản xuất	Đại học	16	17,9%
	Cao đẳng, trung cấp	05	5,6%
	Lao động có tay nghề	48	54,1%
	Tổng cộng	89	100%

+ Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Tại Văn phòng Công ty tổ chức làm việc ngày 8 giờ hàng tuần từ thứ hai đến thứ sáu, các bộ phận trong Văn phòng Công ty nếu vì nhu cầu công việc thì làm luôn cả ngày thứ bảy, chủ nhật. Tại các Công trường thi công, do đặc thù thi công các công trình thủy lợi (phụ thuộc nhiều vào thời tiết) nên Cán bộ, công nhân một tuần làm đủ bảy ngày (nếu điều kiện thời tiết thuận lợi cho thi công).

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát; Đối với điều kiện làm việc tại các Công trường, từng bước nâng cao điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, cơ giới hóa các công việc nặng nhọc, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho Cán bộ, công nhân theo quy định của Nhà nước như: quần, áo, mũ găng tay, khẩu trang, ủng ...

+ Chính sách tuyển dụng:

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu như có trình độ chuyên môn cơ bản, phù hợp với lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập.

Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho Cán bộ, công nhân tại các Công trường cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với Cán bộ, công nhân tại các Công trường, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ, hoặc gửi đi đào tạo vận hành Công nghệ mới, đào tạo nâng cao tay nghề tại các trường dạy nghề. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

+ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập tương đối cao cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Bảo hiểm: Người lao động làm việc có hợp đồng lao động dài hạn với Công ty được Công ty đóng 100% bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí Công đoàn theo đúng quy định của Bộ luật lao động và các Văn bản quy định khác có liên quan. Ngoài ra Công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn cho Cán bộ, nhân viên một người 03 suất tại Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

+ Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất: Kế hoạch năm 2016 đầu tư mua sắm TSCĐ từ 10 đến 15 tỷ đồng; thực hiện đầu tư trong năm 2016 là 8,7 tỷ đồng (Trong năm thanh lý tài sản cố định để đổi mới thiết bị với nguyên giá 7,2 tỷ đồng).

+ Đầu tư tài chính, đầu tư vào Công ty Liên kết: Kế hoạch năm 2016 mức đầu tư tối đa là từ 60 đến 100 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư vào Công ty con tính đến 31/12/2016 là 71,6 tỷ đồng. Trong đó: Đầu tư vào Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng với số lượng 4.581.586 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 56,16% cổ phiếu đang lưu hành, tổng giá trị đầu tư: 48.493.910.000, đồng; Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 với số lượng 1.020.000 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 51% cổ phiếu đang lưu hành, tổng giá trị đầu tư: 23.120.427.500, đồng.

b) Các Công ty con, Công ty liên kết:

Tính đến 31/12/2016 tình hình tài chính của Công ty con như sau

Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016
Tài sản ngắn hạn	93.661.980.057	139.068.828.426
Tài sản dài hạn	92.759.075.944	111.241.700.542
Nợ ngắn hạn	33.449.773.843	59.563.529.084
Nợ dài hạn	986.500.000	986.500.000
Vốn chủ sở hữu	151.984.782.158	189.760.499.884.158
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000
Doanh thu thuần	296.218.039.119	327.272.806.835
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	30.058.748.935	44.921.857.127
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.679	5.507

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016
Tài sản ngắn hạn	45.071.505.836	29.364.388.714
Tài sản dài hạn	30.469.745.031	34.734.707.618
Nợ ngắn hạn	44.020.055.060	28.743.676.204
Nợ dài hạn	1.606.260.000	5.150.458.411
Vốn chủ sở hữu	29.914.935.807	30.204.961.717
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
Doanh thu thuần	88.569.347.559	75.224.406.022
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	41.805.414	218.057.905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	109

4- Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	383.525.442.836	419.620.364.990	+ 9,39%
Doanh thu thuần	416.113.614.086	493.967.238.994	+ 18,71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.686.117.858	59.952.297.022	+ 23,14%
Lợi nhuận khác	5.286.626.170	6.977.804.563	+ 31,99%

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Lợi nhuận trước thuế	53.972.744.028	66.930.101.585	+ 24,00%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	26.074.543.050	26.760.308.625	+ 2,63%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,66	1,92	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,20	0,37	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,34	0,31	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,53	0,45	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	8,07	12,29	
+ Doanh thu thuần trên tổng tài sản	1,08	1,18	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,11	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,18	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,13	
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,12	0,12	

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là: 3.600.000 cổ phần
- Tổng số cổ phiếu được chuyển nhượng tự do là: 3.600.000 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông: (Danh sách chốt vào ngày 31/3/2017)

STT	Danh sách	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
I	Cổ đông lớn (02 cổ đông)	604.350	16,78%
1	SHIH KUAN TUNG	336.350	9,34%
2	Lê Đình Hiến	268.000	7,44%
II	Cổ đông nhỏ (342 cổ đông)	2.995.650	83,22%
	Cộng	3.600.000	100%
I	Trong nước	2.680.007	74,45%
1	Cá nhân trong nước	2.679.017	74,41%
2	Tổ chức trong nước	990	0,04%
II	Nước ngoài	919.993	25,55%
1	Cá nhân nước ngoài	605.563	16,82%
2	Tổ chức nước ngoài	314.430	8,73%
	Cộng	3.600.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

e) **Chứng khoán khác:** Hiện tại Công ty không có chứng khoán khác ngoài khoản đầu tư vào Công ty con.

III- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016 tình hình kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, để ổn định kinh tế vĩ mô, kim chế lạm phát. Nhà nước tiếp tục siết chặt đầu tư công, cạnh tranh trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình rất khốc liệt. Công ty đã cố gắng giữ ổn định lĩnh vực thi công xây dựng công trình, chỉ thi công các công trình theo kế hoạch bố trí vốn hàng năm của Chủ đầu tư. Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh của riêng công ty mẹ năm 2016 thấp so với nhiều năm trở lại đây. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty con, cụ thể:

Khoản mục	Kế hoạch 2016	Kết quả 2016	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	120.000.000.000	493.967.238.994	411%
Lợi nhuận sau thuế	18.000.000.000	26.760.308.625	149%

Trong năm Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 411% và 1149% so với kế hoạch là nhờ hợp nhất Kết quả sản xuất kinh doanh với Công ty con.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	219.391.883.477	238.514.972.398	+ 8,71%
Tài sản dài hạn	164.133.559.359	181.105.392.592	+ 10,34%
Nợ ngắn hạn	130.987.868.059	124.080.818.711	- 5,28%
Nợ dài hạn	2.592.760.000	6.136.958.411	+ 36,72%

b) Tình hình nợ phải trả:

Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn năm 31/12/2016 so với 31/12/2015 biến động không đáng kể.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý của Công ty đã đi vào ổn định. Công ty tiếp tục hoàn thiện hơn nữa những chính sách hiện hành và nghiên cứu những chính sách mới phù hợp với xu thế phát triển lâu dài và mở rộng của Công ty.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Trong tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn như hiện nay, cạnh tranh trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình ngày càng khốc liệt, Công ty mẹ LHC tiếp tục giữ ổn định Doanh thu lĩnh vực thi công công trình từ 120 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng, chỉ thi công các công trình, hạn mục công trình theo kế hoạch bố trí vốn hàng năm, tăng cường thu hồi nợ.

+ Về Công ty con: Khi giá cả thị trường phù hợp, tiếp tục mua thêm cổ phiếu để nâng sở hữu tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng lên khoản 65% cổ phiếu lưu hành. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, tăng cường công tác quản trị, loại bỏ những chi phí bất hợp lý để hạ giá thành sản phẩm, tăng dần lợi nhuận sau thuế theo từng năm. Từ đó phần đầu những năm tới cố gắng thu được từ Công ty con, Công ty liên kết đủ để chia cho cổ đông Công ty mẹ với tỷ lệ 40% đến 50%/năm.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Năm 2015 trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con mang lại lợi nhuận tương đối tốt cho cổ đông, thu nhập của người lao động được đảm bảo, cổ tức chia cho cổ đông với mức 30% trên số lượng 3.600.000 cổ phần.

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty: Ban Tổng giám đốc trong năm tiếp tục điều hành tốt sản xuất kinh doanh, tăng cường chỉ đạo thu hồi công nợ, tìm kiếm công trình cho những năm tiếp theo.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế để có những quyết sách phù hợp, cùng với Ban Tổng Giám đốc đưa Công ty tiếp tục phát triển ổn định, bền vững và đi lên.

V- QUẢN TRỊ CÔNG TY

1- Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP	Tỷ lệ
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch	Kiểm TGD	268.000	7,44%
2	Lê Văn Quý	Thành viên	Kiểm Phó TGD	22.900	0,64%
3	Hầu Văn Tuấn	Thành viên	Kiểm KTT	94.500	2,62%
4	Bùi Trung Trực	Thành viên	Không điều hành	17.400	0,48%
5	Mai Nam Dương	Thành viên	Độc lập	84.150	2,34%

+ Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc đồng thời nắm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (Công ty con) và Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (Công ty con).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết sau; Các cuộc họp đều có sự tham dự của tất cả 5 thành viên và Trưởng ban kiểm soát.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Số: 01-2016/NQ/HĐQT	01/02/2016	1) HĐQT Thống nhất phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính Quý 4 và năm 2015 Công ty mẹ. Cụ thể các chỉ tiêu như sau: + DT thuần quý 4: 40.170.825.591,đ Lũy kế năm 2015: 128.159.049.573,đ + LN sau thuế quý 4: 7.960.746.841,đ

02	Số: 02-2016/NQ/ HĐQT	16/03/2016	<p>Lũy kế năm 2015: 20.570.696.769,đ</p> <p>EPS năm 2015: 8.516,đ</p> <p>Điều I: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua một số nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 16 năm 2016, cụ thể:</p> <p>1.1) Báo cáo năm tài chính 2015 và báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 3 (2011-2015) của HĐQT trước ĐHĐCĐ. 1.2) Thống nhất nội quy làm việc của Đại hội để trình ĐHĐCĐ 1.3) Thống nhất Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát để trình ĐHĐCĐ 1.4) Đề cử ứng viên để bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nếu ĐHĐCĐ không đề cử 1.5) Thống nhất một số nội dung sửa đổi Điều lệ theo luật Doanh nghiệp năm 2014 để trình ĐHĐCĐ thông qua.</p> <p>Điều II: Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch chốt danh sách cổ đông để thanh toán cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2015 và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 16 năm 2016:</p> <p>2.1) Ngày đăng ký cuối cùng: 01/04/2016 2.2) Tỷ lệ thanh toán cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2015: 10%/01 cổ phần (một cổ phần nhận 1.000 đồng) 2.3) Ngày thanh toán cổ tức: 28/04/2016 2.4) Ngày tổ chức Đại hội: 29/04/2016 2.5) Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường Nhà văn hóa lao động tỉnh Lâm Đồng; đường Trần Quốc Toản, phường 10, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng</p> <p>Điều III: HĐQT thống nhất danh sách đề cử ứng viên để bầu làm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát của Công ty con – Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.</p>
03	Số: 03-2016/NQ/ HĐQT	10/05/2016	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị quyết định người đại diện pháp luật của công ty bao gồm::</p> <p>+ Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc + Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc</p> <p>Điều 2: Hội đồng quản trị giao Ban Tổng giám đốc, các Phòng, Ban trực thuộc CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng tổ chức, thực hiện NGHỊ</p>

04	Số: 04-2016/NQ/ HĐQT	17/06/2016	<p>quyết này.</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị quyết định chọn Công ty TNHH kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.</p> <p>Điều 2: Hội đồng quản trị giao Ban Tổng giám đốc, các Phòng, Ban trực thuộc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng tổ chức, thực hiện Nghị quyết này.</p>
05	Số: 05-2016/NQ/ HĐQT	31/10/2016	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt Báo cáo tài chính quý 3 và lũy kế 9 tháng năm 2016 với các chỉ tiêu sau:</p> <p>1.1- Công ty mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu thuần quý 3: 28.408.195.801, đ Doanh thu thuần 9 tháng: 63.135.475.872, đ + Lợi nhuận sau thuế quý 3: 1.580.939.843, đ Lợi nhuận sau thuế 9 tháng: 4.346.520.002, đ <p>1.2- Hợp nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu thuần quý 3: 125.581.795.508, đ Doanh thu thuần 9 tháng: 359.800.618.984, đ + Lợi nhuận sau thuế quý 3: 8.041.304.174, đ Lợi nhuận sau thuế 9 tháng: 23.520.270.621, đ <p>Điều 2: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua một số nội dung để thực hiện nhiệm vụ SXKD những tháng cuối năm 2016 và năm 2017 như sau:</p> <p>2.1- CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng đã ký hợp đồng tổng thầu EPC cho Dự án Công trình Thủy điện Phước Hòa với tổng giá trị hợp đồng (tạm tính) 304 tỷ đồng.</p> <p>2.2- CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC) ủy thác cho CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (LBM) nhập khẩu thiết bị cho Công trình thủy điện Phước Hòa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị nhập khẩu: 4.823.000 UER (tương đương 120 tỷ đồng) <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạm ứng 20% - Tương đương 24 tỷ đồng do LHC cấp - Thế chấp bằng tài sản nhập khẩu 60% - Tương đương 72 tỷ đồng - Còn thiếu 24 tỷ đồng cần tài sản của LBM thế chấp. <p>+ CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng cam kết với LBM chịu trách nhiệm hoàn toàn mọi rủi ro phát sinh liên quan đến việc thế chấp này.</p> <p>2.3- Thống nhất đầu tư lô thiết bị thực hiện việc thi công xử lý nền móng với tổng giá trị 4.581.214.000,</p>

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành: Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm cũng như tham dự Đại hội đồng cổ đông.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Chưa thành lập tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

+ Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

+ Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng.

2- Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng ban	Độc lập	71.250	1,98%
2	Tô Văn An	Thành viên	Độc lập	18.750	0,52%
3	Phạm Thị Tâm	Thành viên	Độc lập	15.000	0,42%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị

+ Thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn về kế toán tài chính, tham gia kiểm soát việc ban hành định mức nội bộ và mua sắm, sửa chữa thiết bị của Công ty

+ Ban kiểm soát kiểm tra toàn diện các hoạt động của Công ty và có báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập tại LHC	Thu nhập tại Công ty con
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	891.050.000	396.000.000
2	Lê Văn Quý	P.Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	306.750.000	56.000.000
3	Hầu Văn Tuấn	TV.HĐQT kiêm Kế toán trưởng	321.650.000	144.000.000
4	Bùi Trung Trực	TV.HĐQT	231.750.000	
5	Mai Nam Dương	TV.HĐQT	40.000.000	
7	Kim Ngọc Đăng	Phó TGD	260.050.000	
8	Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS	40.000.000	
9	Tô Văn An	Thành viên BKS	36.000.000	
10	Phạm Thị Tâm	Thành viên BKS	16.000.000	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2016 Ông Lê Đình Hiền Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc mua vào 160.000 cổ phiếu, nâng sở hữu lên 268.000 cổ phiếu, chiếm 7,44%.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty xác định việc quản trị Công ty tốt sẽ mang lại thành công cho Doanh nghiệp và đưa Doanh nghiệp phát triển bền vững và từng bước đi lên. Từ đó Công ty luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về quản trị Công ty niêm yết.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và các Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC*(đã ký)***ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán

0425-2016-026-1

*(đã ký)***NGUYỄN THỤY NHẢ VY****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán

1875-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238.514.972.398	219.391.883.477
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.353.880.530	26.841.668.437
1. Tiền	111		35.353.880.530	17.528.529.107
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	9.313.139.330
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.976.785.556	11.209.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	7.976.785.556	11.209.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.629.261.028	141.622.893.037
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	125.306.912.397	138.408.776.215
2. Trả trước cho người bán	132		26.760.912.397	3.103.148.978
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		99.580.000	119.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	13.722.663.433	8.877.897.014
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(12.260.436.920)	(9.094.379.309)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	207.870.139

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	30.550.836.644	39.569.780.376
1. Hàng tồn kho	141		32.101.641.513	40.150.877.547
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(581.097.171)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.004.208.640	148.541.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	603.246.723	65.900.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.966.195
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	400.961.917	71.675.432
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.105.392.592	164.133.559.359
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.152.341.741	881.018.203
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.152.341.741	881.018.203
II. Tài sản cố định	220		139.360.801.270	129.854.880.735
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	136.632.507.490	126.711.443.138
+ Nguyên giá	222		389.651.187.514	353.289.685.214
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253.018.680.024)	(226.578.242.076)
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	2.728.293.780	3.143.437.597
+ Nguyên giá	228		6.729.692.098	6.929.692.098
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.001.398.318)	(3.786.254.501)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.530.048.625	18.107.766.549
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	22.530.048.625	18.107.766.549
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.062.200.956	15.289.893.872
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.223.598.928	6.036.026.455
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.17	558.182.629	128.282.710
3. Lợi thế thương mại	269		11.280.419.399	9.125.584.708
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		419.620.364.990	383.525.442.836

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		130.217.777.122	133.580.628.059
I. Nợ ngắn hạn	310		124.080.818.711	131.974.368.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	37.162.778.225	53.736.821.656
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.433.380.830	14.860.698.049
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	6.735.891.220	7.552.320.251
4. Phải trả người lao động	314		8.807.417.991	12.889.791.332
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.792.957.749	5.731.483.087
6. Phải trả ngắn hạn khác	316	5.15	6.781.316.002	10.853.994.023
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	317	5.11	6.606.999.205	20.970.461.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.16	4.539.323.564	3.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.220.753.564	1.392.298.661
II. Nợ dài hạn	330		6.136.958.411	2.592.760.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.623.510.000	1.606.260.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	3.526.948.411	
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.17	986.500.000	986.500.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.402.587.868	249.944.814.777
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	289.402.587.868	249.944.814.777
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.117.910.483	58.035.046.397
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		55.422.725.645	46.878.085.649
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.662.417.020	29.818.579.505
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.760.308.625	17.059.506.144
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.809.243.560	87.978.974.552
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		419.620.364.990	383.525.442.836

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	496.031.989.969	418.164.804.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.064.750.975	2.051.190.726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		493.967.238.994	416.113.614.086
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	375.501.023.115	319.465.421.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.466.215.879	96.648.192.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.538.572.166	1.354.756.011
7. Chi phí tài chính	22	6.4	945.203.527	458.603.210
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>877.875.282</i>	<i>403.755.559</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	12.731.085.936	10.467.368.115
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	46.376.201.560	38.390.859.249
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.952.297.022	48.686.117.858
11. Thu nhập khác	31	6.7	9.633.877.603	5.742.631.937
12. Chi phí khác	32		2.656.073.040	456.005.767
13. Lợi nhuận khác	40		6.977.804.563	5.286.626.170
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.930.101.585	53.972.744.028
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	14.354.727.702	11.505.974.227
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(429.899.918)	235.609.514
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.005.273.801	42.231.160.288
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.760.308.625	26.074.543.050
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		26.244.965.176	16.156.617.238

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19.4	7.433	9.842
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.18.4	7.433	9.842

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.930.101.585	53.972.744.028
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	6.8	34.146.750.924	29.852.114.156
Các khoản dự phòng	03		5.675.089.234	587.177.341
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(8.250.838)	(275.660)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.488.627.939)	(3.778.787.135)
Chi phí lãi vay	06		877.875.282	403.755.559
Các khoản điều chỉnh khác	07		(58.020.852)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		103.074.917.396	81.036.728.289
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.621.449.444)	(31.974.092.967)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.049.236.034	2.393.262.048
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.008.883.974	7.821.209.950
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(724.919.196)	(3.662.948.677)
Tiền lãi vay đã trả	14		(877.875.282)	(403.755.559)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.663.660.743)	(11.265.215.427)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(171.545.097)	(354.693.549)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		75.073.587.642	43.590.494.108
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Chi tiêu	Mã số	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.560.495.509)	(59.357.090.649)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.587.567.197	3.163.636.366
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(14.512.785.556)	(31.509.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.765.000.000	17.592.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.467.480.898	1.213.350.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.253.232.970)	(68.897.103.640)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23.015.290.345
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	88.312.076.487	37.098.632.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(99.148.589.871)	(22.376.561.900)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.475.091.000)	(22.198.297.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.311.604.384)	15.539.064.095
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		18.508.750.288)	(9.767.545.437)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.841.668.437	36.580.192.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.461.805	29.021.225
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		45.353.880.530	26.841.668.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 58 00000 424 ngày 29 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký niêm yết cổ phiếu

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VNĐ

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có đầu tư vào các Công ty con như được trình bày tại mục 1.5 và mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 641 nhân viên (31/12/2015: 687 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2016, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu đa cấp gồm công ty mẹ, 2 công ty con trực tiếp và 2 công ty con gián tiếp. Trong năm Tập đoàn đã mua thêm 1 công ty con gián tiếp để tái cấu trúc Tập đoàn theo hình thức sở hữu đa cấp gồm công ty mẹ, 2 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	56,16%	56,16%
2.	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	201/58 Nguyễn Xí, phường 26, Quận Bình Thạnh, TP HCM	51%	51%

Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
------------	------------------------	----------------	--	-------------------------------------

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

1.	Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Tam Bó, Di Linh, Lâm Đồng	60,02%	33,7%
2.	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đăk Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	100,00%	56,16%
2.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thành Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt	100%	56,16%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của của Tập đoàn bắt đầu từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

* Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

* Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên;

* Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

* Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất cuối kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”

4.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4.5 Các khoản phải thu

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu được.

▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

▪ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

▪ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	02 - 16 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Cây lâu năm và tài sản khác	03 - 07 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt: Đã trích hết khấu hao.
- Tại Xí Nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại XN Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

- Tại nhà nghỉ Dạ Têh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại số 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, công cụ dụng cụ Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí chờ kết chuyển được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.11 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12 Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.13 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.14 Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây (mục 4.17).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.18 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.21 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.22 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm

tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

* Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.

* Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên danh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu: 0%
- Trong nước: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25 Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với

công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Ta675p đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra lỗ đó không thể thu hồi.

Phương pháp xác định lợi thế thương mại

Tại thời điểm nắm quyền kiểm soát công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ dần đều không quá 10 năm vào chi phí trong kết quả kinh doanh hợp nhất.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016	VND Tại ngày 01/01/2016
Tiền mặt	665.922.058	1.217.731.043
Tiền gửi ngân hàng	34.687.958.472	16.310.798.064
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	9.313.139.330
Cộng	45.353.880.530	26.841.668.437

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với lãi suất 6%/năm

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016	VND Tại ngày 01/01/2016
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Công ty TNHH luyện kim Trần Hồng Quân	6.778.082.800	-
BQL Dự án PTNN các tỉnh Miền Trung	4.945.187.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Bạch Việt	10.997.779.900	11.928.499.900
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 2	7.731.901.297	15.524.714.067
Ban quản lý dự án ngành NN và PTNT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	7.567.645.117	7.714.413.117
BQLDA nâng cao chất lượng ATSPNN Lâm Đồng	-	9.622.475.500
TT QL ĐT & XD Công trình Đơn Dương	9.979.900.172	3.096.800.245
Các khách hàng khác	72.659.478.163	85.874.935.438
Cộng	125.306.912.397	138.408.776.215

5.4. Phải thu khác

	VND			
	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khách hàng máng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu cho Công ty Hà Hưng mượn nguyên liệu	699.885.717	-	1.047.158.500	-
Phải thu người lao động	8.014.956.365	-	1.965.686.627	-
Phải thu khác	581.947.485	(43.325.150)	1.439.178.021	(186.967.488)
Cộng	13.722.663.433	(4.469.199.016)	8.877.897.014	(4.612.841.354)
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.152.341.741	-	881.018.203	-
Cộng	1.152.341.741	-	881.018.203	-

5.5. Nợ xấu

	VND			
	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	17.188.881.680	9.397.643.776	4.694.903.747	213.365.792
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.470.931.516	1.732.500	4.612.841.354	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Cộng	21.659.813.196		9.399.376.276		9.307.745.101		213.365.792	
	Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc hoặc đang tranh chấp. Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:							
	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016			VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	10.997.779.900	8.798.224.900	từ 6 tháng đến 1 năm					
Các khách hàng khác	10.662.033.296	601.151.376	Từ 6 tháng đến 3 năm	9.307.745.101	213.365.792	Từ 6 tháng đến 3 năm		
Cộng	21.659.813.196	9.399.376.276		9.307.745.101	213.365.792			

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Nguyên liệu, vật liệu	11.795.942.386	-	7.051.378.739	-		
Công cụ, dụng cụ	419.948.490	-	261.527.938	-		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.180.402.986	-	19.800.420.013	-		
Thành phẩm	8.679.549.351	(835.242.862)	11.214.840.302	(581.097.171)		
Hàng hóa	2.025.798.300	(715.562.007)	1.822.710.555	-		
Cộng	32.101.641.513	(1.550.804.869)	40.150.877.547	(581.097.171)		

Việc trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng chậm luân chuyển.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

i.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND						
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2016	69.392.860.730	208.562.261.147	73.306.895.156	1.190.648.423	520.611.939	316.407.819	353.289.685.214
Mua trong năm	1.902.966.919	17.678.849.091	21.060.379.419	298.500.000	-	-	40.940.695.429
Tăng do hợp nhất	945.269.776	7.366.098.173	500.000.000	-	-	-	8.811.367.949
Thanh lý, nhượng bán	(157.011.249)	(8.748.962.980)	(4.347.999.212)	(136.587.637)	-	-	(13.390.561.078)
Tại ngày 31/12/2016	72.084.086.176	224.858.245.431	90.519.275.363	1.352.560.786	520.611.939	316.407.819	389.651.187.514
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2016	42.755.040.722	149.185.356.302	32.885.754.971	932.110.665	503.571.597	316.407.819	226.578.242.076
Khấu hao trong năm	2.755.863.605	20.077.844.965	10.880.078.337	200.779.858	17.040.342	-	33.931.607.107
Tăng do hợp nhất	526.318.908	3.662.200.274	262.634.399	-	-	-	4.451.153.581
Thanh lý, nhượng bán	(157.011.249)	(8.726.258.023)	(2.922.465.831)	(136.587.637)	-	-	(11.942.322.740)
Tại ngày 31/12/2016	45.880.211.986	164.199.143.518	41.106.001.876	996.302.886	520.611.939	316.407.819	253.018.680.024
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2016	26.637.820.008	59.376.904.845	40.421.140.185	258.537.758	17.040.342	-	126.711.443.138
Tại ngày 31/12/2016	26.203.874.190	60.659.101.913	49.413.273.487	356.257.900	-	-	136.632.507.490

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 147.317.797.669 VND

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục				VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí đền bù, thăm dò	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	3.884.797.000	516.100.000	2.528.795.098	6.969.692.098
Thanh lý, nhượng bán	(200.000.000)	-	-	(200.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	<u>3.684.797.000</u>	<u>516.100.000</u>	<u>2.528.795.098</u>	<u>6.729.692.098</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	1.120.786.000	332.860.111	2.332.608.390	3.786.254.501
Khấu hao trong năm	-	114.567.154	100.576.663	215.143.817
Tại ngày 31/12/2016	<u>1.120.786.000</u>	<u>433.436.774</u>	<u>2.447.175.544</u>	<u>4.001.398.318</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	2.764.011.000	183.239.889	196.186.708	3.143.437.597
Tại ngày 31/12/2016	<u>2.564.011.000</u>	<u>81.619.554</u>	<u>82.663.226</u>	<u>2.728.293.780</u>

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.681.069.755 VND.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Chi phí sửa chữa kho Thủ Đức	-	4.037.797.231
Chi phí sửa chữa kho Nam Hòa	18.050.982.903	4.266.682.924
Chi phí sửa chữa nhà 929 CT	3.519.427.553	-
Chi phí sửa chữa kho Bến Lức	-	9.761.583.657
Chi phí sửa chữa văn phòng	959.638.169	-
Mua sắm TSCĐ	-	42.702.737
Cộng	<u>22.530.048.625</u>	<u>18.107.766.549</u>

5.10. Chi phí trả trước

	VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngắn hạn		
Chi phí chờ phân bổ	603.246.723	65.900.000
Cộng	<u>603.246.723</u>	<u>65.900.000</u>
Dài hạn		
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	3.674.905.067	1.532.891.585
Chi phí sửa chữa	-	796.505.524
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	2.368.609.620	2.417.955.660

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Chi phí chờ phân bổ	180.084.241	341.390.686
Chi phí đền bù	-	947.283.000
Cộng	6.223.598.928	6.036.026.455

Trong đó các khoản chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Phí cấp quyền khai thác mỏ Tam Bó	117.398.900	78.265.934
Phí cấp quyền khai thác mỏ Thạnh Mỹ	209.005.000	209.005.000
Phí cấp quyền khai thác mỏ Cam Ly	417.412.617	278.275.077
Phí cấp quyền khai thác mỏ Đa Quý	1.821.829.433	514.864.622
Phí cấp quyền khai thác mỏ Lộc Tân	340.719.783	(196.795.478)
Phí cấp quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	371.648.334	208.286.430
Phí cấp quyền khai thác mỏ Tutra	396.891.000	440.990.000
Cộng	3.674.905.067	1.532.891.585

5.11.Lợi thế thương mại

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Tại ngày 01/01/2016	9.125.584.708	
Phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	4.341.765.418	9.125.584.708
Đã phân bổ trong năm	(2.186.930.727)	-
Tại ngày 31/12/2016	11.280.419.399	9.125.584.708

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm được xác định như sau:

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Giá trị khoản đầu tư	9.800.000.000	19.959.077.000
Giá trị hợp lý tài sản thuần trong công ty con tại ngày mua	(5.458.234.582)	(18.880.302.393)
Lợi thế thương mại	4.341.765.418	9.125.584.708

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp Tư Nhân VLXD Thanh Trà	2.438.007.822	2.438.007.822	228.379.511	228.379.511
Công ty CP Gia Việt	3.240.891.448	3.240.891.448	-	-
Công ty TNHH Phước Tiến	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Công ty CP Nền móng và Xây dựng ACC-BVA	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Hoàng Minh	2.210.933.139	2.210.933.139	7.473.994.000	7.473.994.000
DNTN Nguyễn Mậu	959.016.627	959.016.627	3.085.333.951	3.085.333.951
Phải trả cho các đối tượng khác	23.823.397.508	23.823.397.508	37.458.582.513	37.458.582.513
Cộng	<u>37.162.778.225</u>	<u>37.162.778.225</u>	<u>53.736.821.656</u>	<u>53.736.821.656</u>

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	VND Số phải nộp 31/12/2016
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.714.205.666	17.701.026.224	18.744.744.292	2.670.487.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.953.461.628	14.398.831.702	14.663.660.743	2.776.864.180
Thuế thu nhập cá nhân	409.541.617	1.854.679.214	1.942.656.601	557.688.292
Thuế tài nguyên	154.933.615	4.043.115.058	3.641.612.606	556.436.067
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	252.451.705	5.246.467.369	5.436.605.571	67.244.333
Các loại thuế khác	67.726.020	1.435.505.660	1.396.060.930	107.170.750
Cộng	<u>7.552.320.251</u>	<u>44.679.625.227</u>	<u>45.825.340.743</u>	<u>6.735.891.220</u>

	Số phải thu 01/01/2016			Số phải thu 31/12/2016
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.245.032	-	-	135.476.625
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	236.124.062
Thuế tài nguyên	22.903.500	-	-	22.903.500
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	4.930.830
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	-	1.526.900
Cộng	<u>71.675.432</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>400.961.917</u>

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	972.341.741	881.018.203

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Trích trước giá vốn công trình xây dựng	702.186.905	4.595.258.000
Các khoản trích trước khác	118.429.103	255.206.884
Cộng	1.792.957.749	5.731.483.087

5.15. Phải trả khác

	VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	663.761.205	240.605.564
BHXH, BHYT, BHTN	15.653.800	90.582.084
Cổ tức phải trả	7.437.500	7.437.500
Tiền ký quỹ thế chân lái xe	-	127.000.000
Phải trả tiền thi công công trình	1.445.561.028	8.280.589.987
Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh	3.661.245.734	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	987.656.735	2.107.778.888
Cộng	6.781.316.002	10.853.994.023
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.623.510.000	1.606.260.000
Cộng	1.623.510.000	1.606.260.000

5.16. Dự phòng phải trả

	VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	3.491.903.541	3.000.000.000
Dự phòng quỹ tiền lương	1.047.420.384	-
Cộng	4.539.323.925	3.000.000.000
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	986.500.000	986.500.000

5.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	558.182.629	128.282.710

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.18. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong năm		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.295.536.705	2.295.536.705	50.713.581.487	60.874.115.782	12.456.071.000	12.456.071.000
Vay các bên liên quan – xem thêm mục 9	2.790.000.000	2.790.000.000	28.200.541.589	30.464.969.089	5.054.427.500	5.054.427.500
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.521.462.500	1.521.462.500	5.871.005.000	7.593.505.000	3.243.962.500	3.243.962.500
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	216.000.000	216.000.000	216.000.000
Cộng	6.606.999.205	6.606.999.205	84.785.128.076	99.148.589.871	20.970.461.000	20.970.461.000
Dài hạn:						
Vay các bên liên quan – xem thêm mục 9	3.526.948.411	3.562.948.411	3.526.948.411	-	-	-
Cộng	3.526.948.411	3.562.948.411	3.526.948.411	-	-	-
Tổng cộng	10.133.947.616	10.133.947.616	88.312.076.487	99.148.589.871	20.970.461.000	20.970.461.000

Vay ngắn hạn ngân hàng là khoản vay Ngân hàng BIDV chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng hạn mức tín dụng 01/2016/447208/HĐTD ngày 11/3/2016 với lãi suất trung bình là 7%/năm đối với VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2016/447208/HĐTD ngày 11/3/2016.

Vay ngắn hạn các đối tượng khác là khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động theo lãi suất ngân hàng (8%/năm) và không có tài sản thế chấp.

Vay các bên liên quan là khoản vay của Ông Lê Đình Hiến, lãi suất 0% và không có tài sản thế chấp.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.19. Vốn chủ sở hữu**5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	20.000.000.000	14.131.963.290	46.400.960.818	43.552.013.150	67.470.642.995	191.555.580.253
Tăng vốn trong năm trước	16.000.000.000	6.920.744.890	-	-	-	22.920.744.890
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.074.543.050	16.156.617.238	42.231.160.288
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.490.673.340	(10.490.673.340)	236.290.656	236.290.656
Chia cổ tức	-	-	-	(12.200.000.000)	(10.151.215.000)	(22.351.215.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(220.577.123)	(93.249.055)	(313.826.178)
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	1.240.901.805	14.637.385.796	15.878.287.601
Giảm khác	-	-	1.143.412.239	(1.078.121.893)	(277.498.078)	(212.207.732)
Số dư tại ngày 01/01/2016	36.000.000.000	21.052.708.180	58.035.046.397	46.878.085.649	87.978.974.552	249.944.814.777
Lãi trong năm	-	-	-	26.760.308.625	26.244.965.176	53.005.273.801
Chia cổ tức	-	-	-	(3.600.000.000)	(6.875.091.000)	(10.475.091.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.082.864.086	(13.082.864.086)	-	-
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(1.875.559.367)	(1.795.540.633)	(3.671.100.000)
Tăng khác	-	-	-	342.754.824	255.935.465	598.690.289
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	21.052.708.180	71.117.910.483	55.422.725.645	105.809.243.560	289.402.587.868

5.19.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Tại ngày 31/12/2016	VND Tại ngày 01/01/2016
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	36.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	36.000.000.000	20.000.000.000

5.19.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.600.000	1.867.000
▪ Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.19.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phần

	Năm 2016	VND Năm 2015
Lãi hợp nhất sau thuế sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi của các cổ đông của công ty mẹ	26.760.308.625	25.853.965.927
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.600.000	2.626.849
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần	7.433	9.842

5.19.5 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại USD	83.402,66	16.934,94
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý:	3.060.379.921	3.060.379.921
Các khách hàng khác		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	VND Năm 2015
Doanh thu thi công công trình thủy lợi	169.741.144.939	130.210.240.299
Doanh thu khai thác khoáng sản và VLXD	326.290.845.030	287.954.564.513
Cộng	496.031.989.969	418.164.804.812

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hoạt động thi công thủy lợi	156.545.331.064	111.859.169.417
Giá vốn hoạt động khai thác khoáng sản và VLXD	218.955.692.051	160.687.818.033
Cộng	375.501.023.115	319.465.421.665

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi	1.467.480.898	1.213.350.643
Lãi chênh lệch tỷ giá	71.091.268	140.196.357
Doanh thu khác	-	933.351
Cộng	1.538.572.166	1.354.756.011

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	877.875.282	403.755.559
Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.229.171	-
Chi phí tài chính khác	29.099.074	54.847.651
Cộng	945.203.527	458.603.210

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên	6.401.455.563	4.911.610.565
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.822.459.046	1.446.779.374
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	9.272.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.887.220.473	2.974.776.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	885.265.357	816.332.522
Chi phí bằng tiền khác	1.734.685.497	1.208.596.302
Cộng	12.731.085.936	10.467.368.115

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	23.292.824.704	22.592.691.600
Chi phí vật liệu, bao bì	1.828.065.794	1.367.068.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	990.077.317	922.899.943
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.441.476.755	2.610.344.819
Thuế, phí, lệ phí	1.564.912.092	1.579.602.759
Chi phí dự phòng	3.510.920.019	230.043.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.426.099.335	1.047.437.180

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Chi phí bằng tiền khác	5.321.825.544	8.040.771.703
Cộng	46.376.201.560	38.390.859.249
6.7. Thu nhập khác		VND
	Năm 2016	Năm 2015
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.021.147.041	2.565.436.492
Hoàn nhập khoản dự phòng bảo hành công trình	2.285.729.019	2.614.211.589
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác cát	3.990.152.600	
Thu nhập khác	336.848.943	562.983.856
Cộng	9.633.877.603	5.742.631.937
6.8. Chi phí sản xuất theo yếu tố		VND
	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.233.269.305	201.129.660.163
Chi phí nhân công	81.640.018.925	73.523.584.337
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.146.750.924	29.852.114.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.191.415.857	46.495.641.372
Chi phí bằng tiền khác	29.444.635.367	19.372.204.731
Cộng	421.656.090.378	370.373.204.759
6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:		
	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	66.930.101.585	53.972.744.028
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.268.575.613	379.762.834
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.092.518.208)	(2.052.624.012)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	71.106.158.990	52.299.882.850
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	14.221.231.798	11.505.974.227
Điều chỉnh thuế của năm trước	133.495.904	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	14.354.727.702	11.505.974.227

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	Khấu hao TSCĐ	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2015	(246.892.224)	(117.000.000)	(363.892.224)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	179.791.331	55.818.183	235.609.514
Tại ngày 01/01/2016	(67.100.893)	(61.181.817)	(128.282.710)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(107.401.180)	(322.498.739)	(429.899.919)
Tại ngày 31/12/2016	(174.502.073)	(383.680.556)	(558.182.629)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thụ trong năm

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	88.312.076.487	37.098.632.900

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(99.148.589.871)	(22.376.561.900)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình thủy lợi
- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa
- Khai thác và chế biến cao lanh
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực
- Sản xuất gạch Tuynel
- Dịch vụ vận chuyển, bơm bê tông

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Chỉ tiêu	Thi công công trình VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gồm sứ chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	362.851.732.158	47.309.317.163	30.199.360.556	70.952.674.608	43.590.556.699	(60.936.402.190)	493.967.238.994
Giá vốn hàng bán	308.922.443.332	42.698.135.343	21.352.126.797	39.954.296.488	23.065.625.362	(60.491.604.207)	375.501.023.115
Lãi gộp	53.929.288.826	4.611.181.820	8.847.233.759	30.998.378.120	20.524.931.337	(444.797.983)	118.466.215.879
Chi phí bán hàng	9.390.296.382	37.644.327	1.077.583.353	1.440.850.744	784.711.130	-	12.731.085.936
Chi phí QLDN	30.460.455.813	1.233.995.124	2.914.273.525	5.629.360.331	4.206.539.575	1.931.577.192	46.376.201.560
Lợi nhuận từ HD bán hàng	14.078.536.631	3.339.542.369	4.855.376.881	23.928.167.045	15.533.680.632	(2.376.375.175)	59.358.928.383
Doanh thu tài chính	7.273.712.980	5.506.101.537	28.411.749	998.529.517	(5.063.953)	(12.263.119.664)	1.538.572.166
Chi phí tài chính	745.367.405	191.636.176	5.607.598	-	2.592.348	-	945.203.527
Lợi nhuận từ HD tài chính	6.528.345.575	5.314.465.361	22.804.151	998.529.517	(7.656.301)	(12.263.119.664)	593.368.639
Thu nhập khác	11.244.991.341	228.541.383	23	153.439.678	6.905.178	(2.000.000.000)	9.633.877.603
Chi phí khác	2.375.142.338	209.143.531	6.482.962	40.940.175	24.364.011	-	2.656.073.040
Lợi nhuận khác	8.869.849.003	19.397.852	(6.482.962)	112.499.503	(17.458.833)	(2.000.000.000)	6.977.804.563
Tổng lợi nhuận trước thuế	29.476.731.209	8.673.405.582	4.871.698.070	25.039.196.065	15.508.565.498	(16.639.494.839)	66.930.101.585
Chi phí thuế TNDN							14.354.727.702
Chi phí thuế hoãn lại							(429.899.918)
Lợi nhuận sau thuế							53.005.273.801

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Các thông tin khác

	Thi công công trình tại ngày 31/12/2016 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ tại ngày 31/12/2016 VND	Gồm sứ chịu lửa tại ngày 31/12/2016 VND	Gạch tại ngày 31/12/2016 VND	Cao lanh tại ngày 31/12/2016 VND	Loại trừ tại ngày 31/12/2016 VND	Tổng cộng tại ngày 31/12/2016 VND
Tài sản của bộ phận	404.219.268.047	36.257.739.315	23.263.905.776	54.657.989.649	33.579.737.621	(132.916.458.047)	419.062.182.361
Tài sản không phân bổ	558.182.629	-	-	-	-	-	558.182.629
Tổng tài sản	404.777.450.676	36.257.739.315	23.263.905.776	54.657.989.649	33.579.737.621	(132.916.458.047)	419.620.364.990
Nợ phải trả của bộ phận	136.512.962.265	10.085.599.763	6.438.027.051	15.125.990.419	9.292.818.722	(47.237.621.098)	130.217.777.122
	Thi công công trình tại ngày 31/12/2016 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ tại ngày 31/12/2016 VND	Gồm sứ chịu lửa tại ngày 31/12/2016 VND	Gạch tại ngày 31/12/2016 VND	Cao lanh tại ngày 31/12/2016 VND	Loại trừ tại ngày 31/12/2016 VND	Tổng cộng tại ngày 31/12/2016 VND
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	39.819.071.792	2.721.623.637	-	400.000.000	-	(2.000.000.000)	40.940.695.429
Chi phí khấu hao trong năm	25.837.473.739	1.884.462.664	3.877.912.267	1.054.041.501	1.870.922.622	(378.061.869)	34.146.750.924

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Thi công công trình VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gốm sứ chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	280.186.560.776	40.166.459.092	34.071.371.178	68.831.383.144	40.173.511.425	(47.315.671.529)	416.113.614.086
Giá vốn hàng bán	225.168.294.165	37.508.600.730	23.271.550.847	52.104.486.057	29.887.818.962	(48.475.329.096)	319.465.421.665
Lãi gộp	55.018.266.611	2.657.858.362	10.799.820.331	16.726.897.087	10.285.692.463	1.159.657.567	96.648.192.421
Chi phí bán hàng	7.252.766.574	44.579.710	1.197.173.916	1.346.253.416	626.594.499	-	10.467.368.115
Chi phí QLDN	24.478.053.097	1.751.899.757	3.408.355.912	4.767.095.597	4.018.788.222	(33.333.336)	38.390.859.249
Lợi nhuận từ HD bán hàng	23.287.446.940	861.378.895	6.194.290.503	10.613.548.074	5.640.309.742	1.192.990.903	47.789.965.057
Doanh thu tài chính	11.698.971.276	3.614.054.442	90.312	389.224.142	1.996.891	(14.349.581.052)	1.354.756.011
Chi phí tài chính	394.599.250	52.708.029	6.970.429	-	4.325.502	-	458.603.210
Lợi nhuận từ HD tài chính	11.304.372.026	3.561.346.413	(6.880.117)	389.224.142	(2.328.611)	(14.349.581.052)	896.152.801
Thu nhập khác	4.963.458.486	453.068.445	167.183.394	257.014.819	1.906.793	(100.000.000)	5.742.631.937
Chi phí khác	65.744.739	317.025.540	1.749.587	70.303.031	1.182.870	-	456.005.767
Lợi nhuận t khác	4.897.713.747	136.042.905	165.433.807	186.711.788	723.923	(100.000.000)	5.286.626.170
Tổng lợi nhuận trước thuế	39.489.532.713	4.558.768.213	6.352.844.193	11.189.484.004	5.638.705.054	(13.256.590.149)	53.972.744.028
Chi phí thuế TNDN							11.505.974.2277
Chi phí thuế hoãn lại							235.609.514
Lợi nhuận sau thuế							42.231.160.288

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Các thông tin khác

	Thi công công trình tại ngày 31/12/2015 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ tại ngày 31/12/2015 VND	Gồm sứ chịu lửa tại ngày 31/12/2015 VND	Gạch tại ngày 31/12/2015 VND	Cao lanh tại ngày 31/12/2015 VND	Loại trừ tại ngày 31/12/2015 VND	Tổng cộng tại ngày 31/12/2015 VND
Tài sản của bộ phận	363.961.651.771	25.547.032.480	21.744.923.316	43.929.348.790	25.639.412.066	(97.425.208.296)	383.397.160.127
Tài sản không phân bổ	128.282.710	-	-	-	-	-	128.282.710
Tổng tài sản	364.089.934.481	25.547.032.480	21.744.923.316	43.929.348.790	25.639.412.066	(97.425.208.296)	383.525.442.836
Nợ phải trả của bộ phận	132.371.272.238	5.911.708.122	5.014.631.767	10.130.617.833	5.912.746.086	(25.760.347.987)	133.580.628.059
	Thi công công trình tại ngày 31/12/2015 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ tại ngày 31/12/2015 VND	Gồm sứ chịu lửa tại ngày 31/12/2015 VND	Gạch tại ngày 31/12/2015 VND	Cao lanh tại ngày 31/12/2015 VND	Loại trừ tại ngày 31/12/2015 VND	Tổng cộng tại ngày 31/12/2015 VND
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	57.473.201.437	43.600.000	-	335.000.000	710.754.545	-	58.562.555.982
Chi phí khấu hao trong năm	18.943.632.834	2.473.666.979	4.075.350.960	2.030.394.934	2.640.826.025	(275.757.576)	29.852.114.156

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Khai thác khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
5. Công ty Cổ phần Hiệp Thành	
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư vay ngắn hạn với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2016	01/01/2016
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.16:		
Ông Lê Đình Hiền	6.316.948.411	5.054.427.500

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Vay		
Ông Lê Đình Hiền	29.187.490.000	5.454.427.500

Tập đoàn nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan không chịu lãi suất. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

Cổ tức chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Cổ tức chi trả	1.480.434.000	2.365.932.500

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Thù lao và thu nhập	6.589.500.500	6.623.939.621

10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương và các chi phí hoạt động	627.950.000	392.400.000

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được sắp xếp lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2016 (Được báo cáo lại)	VND Tại ngày 01/01/2016 (Đã được báo cáo trước đây)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.000.000.000	3.986.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	986.500.000	-

Các số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với tính chất dài hạn và ngắn hạn của các số liệu.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và các Công ty con.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà Nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội
- Website Công ty
- Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đình Hiến